# CÔNG TY CỔ PHẨN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG PHU HUNG SECURITIES CORPORATION

# CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 310../2025/PHS-PL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 12 năm 2025 IIo Chi Minh City, 23 December 2025

# CÔNG BÓ THÔNG TIN BẮT THƯỜNG EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

- Kính gửi/ To:
- Uy ban Chứng khoán Nhà nước/ State Securities Commission of Vietnam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Vietnam Exchange;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Hanoi Stock Exchange;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh Stock Exchange.
- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CHÚNG KHOÁN PHÚ HƯNG ("PHS") Name of organization: PHU HUNG SECURITIES CORPORATION ("PHS")
  - Mã chứng khoán/Mã thành viên/Stock code/Broker code: PHS/022
  - Địa chi/Address: Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú,
     Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh/21<sup>st</sup> Floor, Phu My Hung Tower, 08 Hoang Van Thai,
     Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City
  - Diện thoại liên hệ/Tel.: (+84 28) 5413 5479

Fax: (+84 28) 5413 5472

- E-mail: cbtt\_phs@phs.vn
- 2. Nội dung thông tin công bố/ Contents of disclosure:

Căn cứ quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, PHS trân trọng công bố Nghị quyết số 05/100\_1025/NQ-HĐQT ngày 23/12/2025 của Hội đồng Quản trị như sau:

According to Circular 96/2020/TT-BTC on guidance for information disclosure in the stock market, PHS sincerely discloses the Resolution No. 05/100\_1025/NQ-HDQT dated 23 December 2025 of the Board of Directors as follows:

Hội đồng quản trị thông qua điều kiện chào bán Chứng quyền có bảo đảm phát hành trong năm 2026.

The Board of Directors passed the offering conditions of Covered warrants in 2026.

(Chi tiết tham khảo tài liệu đính kèm). (Further information, please find the attachment).

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin diện tử của PHS vào ngày 23 tháng 12 năm 2025 tại đường dẫn: https://www.phs.vn, phần Về PHS, mục Quan hệ cổ dông.

This information was published on PHS's website on 23 December 2025 in the link at <a href="https://www.phs.vn">https://www.phs.vn</a>, tab About PHS, and Investor relation.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là dúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm: Attached Document:

 Nghị quyết số 05/100\_1025/NQ-IIDQT ngày 23/12/2025;
 Resolution No. 05/100\_1025/NQ-IIDQT dated 23 December 2025; ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
ORGANIZATION REPRESENTATIVE

(Ký, ghị <del>rõ họ</del> tên, chức vụ, đóng dấu) (Signature, full name, position, and seal)

CONG TY
CO PHÂN
CHỨNG KHOÁN
PHÚ HƯNG

Ông/ Mr. CHEN CHIA KEN Tổng Giám đốc General Director

# PHU HUNG SECURITIES CORPORATION

# SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM Independence - Freedom - Happiness

Ref. No.: 05/100\_1025/NQ-HĐQT

Ho Chi Minh City, December 23rd, 2025

#### RESOLUTION

# BOARD OF DIRECTORS OF PHU HUNG SECURITIES CORPORATION (TERM 2025 – 2028)

- Pursuant to Law on Enterprises No. 59/2020/QH14;
- Pursuant to Law on Securities No. 54/2019/QH14;
- Pursuant to the current Charter of Phu Hung Securities Corporation;
- Pursuant to the Meeting Minutes No. 01/100\_1025/BB-HĐQT dated December 23<sup>rd</sup>, 2025 of Board of Directors of the Company;

#### RESOLVE:

#### Article 1: Resolution 8

The Board of Directors passed the offering conditions of covered warrants in 2026, main details as below:

| Warrant name                                | Warrant ACB.02.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the<br>underlying securities | ACB   |
| Issuer of underlying securities             | Asia Commercial Joint Stock Bank  |
| Warrant type                                | Call  |
| Execution type                              | European  |
| Method of exercising warrants               | Cash payment  |
| Duration                                    | 12 months   |
| Expected offering date                      | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                       | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                  | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                             | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                            | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                     | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment   | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                     | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant,   |

| - M.A 17, - 17                | specific price will be announced in the Issuance Notice                  |
|-------------------------------|--|
| Total number of offers        | 2,000,000 (Two million) covered warrants                                 |
| Total expected offering value | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion) |

| Warrant name:                             | Warrant ACB.03.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | ACB   |
| Issuer of underlying securities           | Asia Commercial Joint Stock Bank  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

# Covered warrant 3

| Warrant name                             | Warrant ACB.04.PHS.C.EU.Cash   |
|--|--|
| Name (code) of the underlying securities | ACB  |
| Issuer of underlying securities          | Asia Commercial Joint Stock Bank   |
| Warrant type                             | Call   |
| Execution type                           | European   |
| Method of exercising warrants            | Cash payment   |
| Duration                                 | 11 months  |
| Expected offering date                   | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam |
| Expected listing date                    | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant                  |
| Expected last trading date               | 02 working days before expiration date   |
| Expiration date                          | 11 months from the offering date   |
| Conversion ratio                         | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)  |
| 110 DOD 14 1' 0 ' 10'                    | 1005 J. L. J. D L. 000 0005  |

PHS-BOD Meeting-Session 100\_1025 dated December 23rd, 2025

Page 2/116

| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
|---|---|
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                                | Warrant ACB.05.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the<br>underlying securities | ACB   |
| Issuer of underlying securities             | Asia Commercial Joint Stock Bank  |
| Warrant type                                | Call  |
| Execution type                              | European  |
| Method of exercising warrants               | Cash payment  |
| Duration -                                  | 11 months   |
| Expected offering date                      | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                       | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                  | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                             | 11 months from the offering date  |
| Conversion ratio                            | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                     | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment   | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                     | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                      | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering                     | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000   |
| value                                       | (Four billion)  |

| Warrant name                                | Warrant ACB.06.PHS.C.EU.Cash     |
|---|----------------------------------|
| Name (code) of the<br>underlying securities | ACB                              |
| Issuer of underlying securities             | Asia Commercial Joint Stock Bank |
| Warrant type                                | Call                             |
| Execution type                              | European                         |
| Method of exercising warrants               | Cash payment                     |
| Duration                                    | 10 months                        |

| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
|---|---|
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                                | Warrant ACB.07.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the<br>underlying securities | ACB   |
| Issuer of underlying securities             | Asia Commercial Joint Stock Bank  |
| Warrant type                                | Call  |
| Execution type                              | European  |
| Method of exercising warrants               | Cash payment  |
| Duration -                                  | 10 months   |
| Expected offering date                      | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                       | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                  | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                             | 10 months from the offering date  |
| Conversion ratio                            | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                     | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment   | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                     | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                      | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value               | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Covered warrant /                        |                              |  |
|--|------------------------------|--|
| Warrant name                             | Warrant ACB.08.PHS.C.EU.Cash |  |
| Name (code) of the underlying securities | ACB                          |  |

| Issuer of underlying securities           | Asia Commercial Joint Stock Bank  |
|---|---|
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 5:1 (5 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant ACB.09.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | ACB   |
| Issuer of underlying securities           | Asia Commercial Joint Stock Bank  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |

| Total expected offering | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 |
|-------------------------|---|
| value                   | (Four billion)  |
|                         |   |

| Warrant name                              | Warrant ACB.10.PHS.C.EU.Cash  |  |  |  |
|---|---|--|--|--|
| Name (code) of the underlying securities  | ACB   |  |  |  |
| Issuer of underlying securities           | Asia Commercial Joint Stock Bank  |  |  |  |
| Warrant type                              | Call  |  |  |  |
| Execution type                            | European  |  |  |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |  |  |  |
| Duration                                  | 10 months   |  |  |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |  |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |  |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |  |  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |  |  |  |
| Conversion ratio                          | 5:1 (5 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |  |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |  |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |  |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |  |  |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |  |  |  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |  |  |  |

| Warrant name  | arrant name Warrant ACB.11.PHS.C.EU.Cash   |  |  |
|---|--|--|--|
| Name (code) of the underlying securities  | ACB  |  |  |
| Issuer of underlying securities   | Asia Commercial Joint Stock Bank   |  |  |
| Warrant type  | Call   |  |  |
| Execution type  | European   |  |  |
| Method of exercising warrants   | Cash payment   |  |  |
| Duration  | 10 months  |  |  |
| Expected offering date  | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam |  |  |
| Expected listing date   | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant                  |  |  |
| Expected last trading date  | 02 working days before expiration date   |  |  |
| Expiration date   | 10 months from the offering date   |  |  |
| Conversion ratio  | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)  |  |  |
| Expected exercise price  Within a range of +/-20% compared to the closing underlying stock on the trading day preceding the |  |  |  |
| DUC DOD Monting Consign 100   | 1025 dated December 22rd 2025  |  |  |

|   | date, specific price will be announced in the Issuance Notice.  At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
|---|---|--|
| Estimated value of collateral for payment |   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice |  |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |  |

| Warrant name                              | Warrant SHB.02.PHS.C.EU.Cash  |  |  |  |
|---|---|--|--|--|
| Name (code) of the underlying securities  | SHB   |  |  |  |
| Issuer of underlying securities           | Saigon - Hanoi Commercial Joint Stock Bank  |  |  |  |
| Warrant type                              | Call  |  |  |  |
| Execution type                            | European  |  |  |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |  |  |  |
| Duration                                  | 12 months   |  |  |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |  |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |  |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |  |  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |  |  |  |
| Conversion ratio                          | 4:1 (4 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |  |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announceme date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |  |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |  |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice             |  |  |  |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |  |  |  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |  |  |  |

| Warrant name                             | Warrant SHB.03.PHS.C.EU.Cash   |  |  |
|--|--|--|--|
| Name (code) of the underlying securities | SHB  |  |  |
| Issuer of underlying securities          | Saigon - Hanoi Commercial Joint Stock Bank   |  |  |
| Warrant type                             | Call   |  |  |
| Execution type                           | European   |  |  |
| Method of exercising warrants            | Cash payment   |  |  |
| Duration                                 | 12 months  |  |  |
| Expected offering date                   | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam |  |  |

| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
|---|---|--|
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                          | 4:1 (4 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |  |

| Warrant name                              | Warrant SHB.04.PHS.C.EU.Cash  |  |  |  |
|---|---|--|--|--|
| Name (code) of the underlying securities  | SHB   |  |  |  |
| Issuer of underlying securities           | Saigon - Hanoi Commercial Joint Stock Bank  |  |  |  |
| Warrant type                              | Call  |  |  |  |
| Execution type                            | European  |  |  |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |  |  |  |
| Duration                                  | 11 months   |  |  |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietna   |  |  |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |  |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |  |  |
| Expiration date                           | 11 months from the offering date  |  |  |  |
| Conversion ratio                          | 4:1 (4 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |  |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |  |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |  |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |  |  |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |  |  |  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |  |  |  |

| Warrant name                             | Warrant SHB.05.PHS.C.EU.Cash               |  |
|--|--|--|
| Name (code) of the underlying securities | SHB  |  |
| Issuer of underlying securities          | Saigon - Hanoi Commercial Joint Stock Bank |  |

| Warrant type                              | Call  |  |  |  |
|---|---|--|--|--|
| Execution type                            | European  |  |  |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |  |  |  |
| Duration                                  | 11 months   |  |  |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |  |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |  |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |  |  |
| Expiration date                           | 11 months from the offering date  |  |  |  |
| Conversion ratio                          | 4:1 (4 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |  |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |  |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |  |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |  |  |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |  |  |  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |  |  |  |

| Warrant name                              | Warrant SHB.06.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | SHB   |
| Issuer of underlying securities           | Saigon - Hanoi Commercial Joint Stock Bank  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 10 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 4:1 (4 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Car | cardal | warra |       |  |
|-----|--------|-------|-------|--|
| CO  | /erea  | warra | nr 1h |  |

| Warrant name                                | Warrant SHB.07.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the<br>underlying securities | SHB   |
| Issuer of underlying securities             | Saigon - Hanoi Commercial Joint Stock Bank  |
| Warrant type                                | Call  |
| Execution type                              | European  |
| Method of exercising warrants               | Cash payment  |
| Duration                                    | 10 months   |
| Expected offering date                      | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                       | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                  | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                             | 10 months from the offering date  |
| Conversion ratio                            | 4:1 (4 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                     | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment   | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                     | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                      | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value               | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                             | Warrant SHB.08.PHS.C.EU.Cash  |
|--|---|
| Name (code) of the underlying securities | SHB   |
| Issuer of underlying securities          | Saigon - Hanoi Commercial Joint Stock Bank  |
| Warrant type                             | Call  |
| Execution type                           | European  |
| Method of exercising warrants            | Cash payment  |
| Duration                                 | 12 months   |
| Expected offering date                   | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                    | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date               | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                          | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                         | 3:1 (3 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                  | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of                       | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| PHS-BOD Meeting-Session 100              | 1025 dated December 23rd 2025   |

| collateral for payment        |   |
|-------------------------------|---|
| Expected offering price       | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice |
| Total number of offers        | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant SHB.09.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | SHB   |
| Issuer of underlying securities           | Saigon - Hanoi Commercial Joint Stock Bank  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 3:1 (3 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                             | Warrant SHB.10.PHS.C.EU.Cash   |
|--|--|
| Name (code) of the underlying securities | SHB  |
| Issuer of underlying securities          | Saigon - Hanoi Commercial Joint Stock Bank   |
| Warrant type                             | Call   |
| Execution type                           | European   |
| Method of exercising warrants            | Cash payment   |
| Duration                                 | 10 months  |
| Expected offering date                   | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam |
| Expected listing date                    | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant                  |

| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
|---|---|
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 3:1 (3 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant SHB.11.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | SHB   |
| Issuer of underlying securities           | Saigon - Hanoi Commercial Joint Stock Bank  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 10 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 3:1 (3 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                                | Warrant FPT.07.PHS.C.EU.Cash |
|---|------------------------------|
| Name (code) of the<br>underlying securities | FPT                          |
| Issuer of underlying securities             | FPT Corporation              |
| Warrant type                                | Call                         |
| Execution type                              | European                     |

| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
|---|---|
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 28:1 (28 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |

| Warrant name                              | Warrant FPT.08.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | FPT   |
| Issuer of underlying securities           | FPT Corporation   |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 25:1 (25 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |

| Warrant name                              | Warrant FPT.09.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | FPT   |
| Issuer of underlying securities           | FPT Corporation   |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 11 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 11 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 28:1 (28 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |

| Warrant name                             | Warrant FPT.10.PHS.C.EU.Cash  |
|--|---|
| Name (code) of the underlying securities | FPT   |
| Issuer of underlying securities          | FPT Corporation   |
| Warrant type                             | Call  |
| Execution type                           | European  |
| Method of exercising warrants            | Cash payment  |
| Duration                                 | 11 months   |
| Expected offering date                   | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                    | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date               | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                          | 11 months from the offering date  |
| Conversion ratio                         | 25:1 (25 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                  | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of                       | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| collateral for payment                   |   |
| Expected offering price                  | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered  |
| PHS-BOD Meeting-Session 100              | D_1025 dated December 23 <sup>rd</sup> , 2025 Page 14/116   |

|                               | warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice |
|-------------------------------|--|
| Total number of offers        | 4,000,000 (Four million) covered warrants  |
| Total expected offering value | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)                                       |

| Warrant name                              | Warrant FPT.11.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | FPT   |
| Issuer of underlying securities           | FPT Corporation   |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 10 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 28:1 (28 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |

| Warrant name                             | Warrant FPT.12.PHS.C.EU.Cash  |              |
|--|---|--------------|
| Name (code) of the underlying securities | FPT   |              |
| Issuer of underlying securities          | FPT Corporation   |              |
| Warrant type                             | Call  | TAN M M      |
| Execution type                           | European  |              |
| Method of exercising warrants            | Cash payment  |              |
| Duration                                 | 10 months   |              |
| Expected offering date                   | Within 07 (seven) working days after receiving the Warrant Certificate from State Securities Commission |              |
| Expected listing date                    | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange the listing decision for the covered warrant      | nange issues |
| Expected last trading date               | 02 working days before expiration date  |              |
| Expiration date                          | 10 months from the offering date  |              |
| NIC DOD M 400                            | 1005 data d Danamakan 0005  | D 45/44C     |

| Conversion ratio                          | 25:1 (25 covered warrants exchanged for 01 share)   |
|---|---|
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |

| Warrant name                              | Warrant FPT.13.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | FPT   |
| Issuer of underlying securities           | FPT Corporation   |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 23:1 (23 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |

| Warrant name                                | Warrant FPT.14.PHS.C.EU.Cash |
|---|------------------------------|
| Name (code) of the<br>underlying securities | FPT                          |
| Issuer of underlying securities             | FPT Corporation              |
| Warrant type                                | Call                         |
| Execution type                              | European                     |
| Method of exercising warrants               | Cash payment                 |

| Duration                                  | 12 months   |
|---|---|
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 22:1 (22 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |

| Warrant name                              | Warrant FPT.15.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | FPT   |
| Issuer of underlying securities           | FPT Corporation   |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 10 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 28:1 (28 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |

| Warrant name       | Warrant FPT.16.PHS.C.EU.Cash |
|--------------------|------------------------------|
| Name (code) of the | FPT                          |

| underlying securities                     |   |
|---|---|
| Issuer of underlying securities           | FPT Corporation   |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 10 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 28:1 (28 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |

| Warrant name                                | Warrant FPT.17.PHS.C.EU.Cash  |  |
|---|---|--|
| Name (code) of the<br>underlying securities | FPT   |  |
| Issuer of underlying securities             | FPT Corporation   |  |
| Warrant type                                | Call  |  |
| Execution type                              | European  |  |
| Method of exercising warrants               | Cash payment  |  |
| Duration                                    | 12 months   |  |
| Expected offering date                      | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |
| Expected listing date                       | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                  | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                             | 12 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                            | 31:1 (31 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                     | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment   | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                     | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| HS ROD Meeting Session 100                  | 1025 dated December 22rd 2025   |  |

| Total number of offers        | 4,000,000 (Four million) covered warrants                                  |
|-------------------------------|--|
| Total expected offering value | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion) |

| Covered warrant 32                          | W. (EDT 40 DUO 0 EU 0 . )   |  |
|---|---|--|
| Warrant name                                | Warrant FPT.18.PHS.C.EU.Cash  |  |
| Name (code) of the<br>underlying securities | FPT   |  |
| Issuer of underlying securities             | FPT Corporation   |  |
| Warrant type                                | Call  |  |
| Execution type                              | European  |  |
| Method of exercising warrants               | Cash payment  |  |
| Duration                                    | 12 months   |  |
| Expected offering date                      | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |
| Expected listing date                       | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                  | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                             | 12 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                            | 31:1 (31 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                     | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment   | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                     | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                      | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |  |
| Total expected offering value               | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |  |

| Warrant name                             | Warrant FPT.19.PHS.C.EU.Cash   |             |
|--|--|-------------|
| Name (code) of the underlying securities | FPT .  |             |
| Issuer of underlying securities          | FPT Corporation  | ,           |
| Warrant type                             | Call   |             |
| Execution type                           | European   |             |
| Method of exercising warrants            | Cash payment   |             |
| Duration                                 | 11 months  |             |
| Expected offering date                   | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam |             |
| Expected listing date                    | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant                  |             |
| Expected last trading date               | 02 working days before expiration date   |             |
| Expiration date                          | 11 months from the offering date   |             |
| Conversion ratio                         | 31:1 (31 covered warrants exchanged for 01 share)  |             |
| Expected exercise price                  | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the  |             |
| PHS-BOD Meeting-Session 100              |  | Page 19/116 |

|   | underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice.   |
|---|---|
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |

| Covered warrant 34                          | W 4 EDT 00 BUILD 0 EU 0   |  |
|---|---|--|
| Warrant name                                | Warrant FPT.20.PHS.C.EU.Cash  |  |
| Name (code) of the<br>underlying securities | FPT   |  |
| Issuer of underlying securities             | FPT Corporation   |  |
| Warrant type                                | Call  |  |
| Execution type                              | European  |  |
| Method of exercising warrants               | Cash payment  |  |
| Duration                                    | 10 months   |  |
| Expected offering date                      | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |
| Expected listing date                       | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                  | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                             | 10 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                            | 31:1 (31 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                     | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment   | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                     | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                      | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |  |
| Total expected offering value               | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |  |

| Warrant name                             | Warrant FPT.21.PHS.C.EU.Cash                               |
|--|--|
| Name (code) of the underlying securities | FPT  |
| Issuer of underlying securities          | FPT Corporation  |
| Warrant type                             | Call   |
| Execution type                           | European   |
| Method of exercising warrants            | Cash payment   |
| Duration                                 | 10 months  |
| Expected offering date                   | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered |

|   | Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam   |  |
|---|---|--|
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                          | 31:1 (31 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |  |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |  |

| Warrant name                              | Warrant HPG.10.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | HPG   |
| Issuer of underlying securities           | Hoa Phat Group Joint Stock Company  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |

| Warrant name                                | Warrant HPG.11.PHS.C.EU.Cash       | K = 7 7 |
|---|------------------------------------|---------|
| Name (code) of the<br>underlying securities | HPG                                |         |
| Issuer of underlying                        | Hoa Phat Group Joint Stock Company |         |

| securities                                |   |
|---|---|
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 5:1 (5 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |

| Warrant name                                | Warrant HPG.12.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the<br>underlying securities | HPG   |
| Issuer of underlying securities             | Hoa Phat Group Joint Stock Company  |
| Warrant type                                | Call  |
| Execution type                              | European  |
| Method of exercising warrants               | Cash payment  |
| Duration                                    | 11 months   |
| Expected offering date                      | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                       | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                  | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                             | 11 months from the offering date  |
| Conversion ratio                            | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                     | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment   | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                     | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                      | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| Total expected offering                     | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000  |
|   | 2_1025 dated December 23 <sup>rd</sup> , 2025 Page 22/116   |

| value | (Eight billion) |  |
|-------|-----------------|--|
| Tuluo | (Light billion) |  |

| Warrant name                              | Warrant HPG.13.PHS.C.EU.Cash  |  |
|---|---|--|
| Name (code) of the underlying securities  | HPG   |  |
| Issuer of underlying securities           | Hoa Phat Group Joint Stock Company  |  |
| Warrant type                              | Call  |  |
| Execution type                            | European  |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |  |
| Duration                                  | 11 months   |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                           | 11 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                          | 5:1 (5 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |  |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |  |

# Covered warrant 40

| Warrant name                             | Warrant HPG.14.PHS.C.EU.Cash  |
|--|---|
| Name (code) of the underlying securities | HPG   |
| Issuer of underlying securities          | Hoa Phat Group Joint Stock Company  |
| Warrant type                             | Call  |
| Execution type                           | European  |
| Method of exercising warrants            | Cash payment  |
| Duration                                 | 10 months   |
| Expected offering date                   | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                    | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date               | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                          | 10 months from the offering date  |
| Conversion ratio                         | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                  | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |

PHS-BOD Meeting-Session 100\_1025 dated December 23rd, 2025

Page 23/116

| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
|---|---|--|
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice |  |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |  |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |  |

| Warrant name                              | Warrant HPG.15.PHS.C.EU.Cash  |  |
|---|---|--|
| Name (code) of the underlying securities  | HPG   |  |
| Issuer of underlying securities           | Hoa Phat Group Joint Stock Company  |  |
| Warrant type                              | Call  |  |
| Execution type                            | European  |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |  |
| Duration                                  | 10 months   |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                          | 5:1 (5 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |  |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |  |

| Warrant name                             | Warrant HPG.16.PHS.C.EU.Cash                                    |  |
|--|---|--|
| Name (code) of the underlying securities | HPG   |  |
| Issuer of underlying securities          | Hoa Phat Group Joint Stock Company                              |  |
| Warrant type                             | Call  |  |
| Execution type                           | European  |  |
| Method of exercising warrants            | Cash payment  |  |
| Duration                                 | 12 months   |  |
| Expected offering date                   | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered      |  |
|  | Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam |  |
| Expected listing date                    | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues    |  |

|   | the listing decision for the covered warrant  |  |
|---|---|--|
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                          | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |  |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |  |

| Warrant name                              | Warrant HPG.17.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | HPG   |
| Issuer of underlying securities           | Hoa Phat Group Joint Stock Company  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered  |
|   | warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice  |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |

# Covered warrant 44

| Warrant name                             | Warrant HPG.18.PHS.C.EU.Cash       |       |
|--|------------------------------------|-------|
| Name (code) of the underlying securities | HPG                                |       |
| Issuer of underlying securities          | Hoa Phat Group Joint Stock Company | 4 1.4 |
| Warrant type                             | Call                               |       |

PHS-BOD Meeting-Session 100\_1025 dated December 23rd, 2025

| Execution type                            | European  |  |
|---|---|--|
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |  |
| Duration                                  | 10 months   |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnar  |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                          | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |  |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |  |

| Warrant name                              | Warrant HPG.19.PHS.C.EU.Cash  |  |
|---|---|--|
| Name (code) of the underlying securities  | HPG   |  |
| Issuer of underlying securities           | Hoa Phat Group Joint Stock Company  |  |
| Warrant type                              | Call  |  |
| Execution type                            | European  |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |  |
| Duration                                  | 10 months   |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                          | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |  |
| Total expected offering                   | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000  |  |
| value                                     | (Eight billion)   |  |

| Warrant name                              | Warrant HPG.20.PHS.C.EU.Cash  |  |
|---|---|--|
| Name (code) of the underlying securities  | HPG   |  |
| Issuer of underlying securities           | Hoa Phat Group Joint Stock Company  |  |
| Warrant type                              | Call  |  |
| Execution type                            | European  |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |  |
| Duration                                  | 12 months   |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietna   |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                          | 8:1 (8 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announceme date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice             |  |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |  |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |  |

| Warrant name                              | Warrant HPG.21.PHS.C.EU.Cash  |  |
|---|---|--|
| Name (code) of the underlying securities  | HPG   |  |
| Issuer of underlying securities           | Hoa Phat Group Joint Stock Company  |  |
| Warrant type                              | Call  |  |
| Execution type                            | European  |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |  |
| Duration                                  | 12 months   |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                          | 8:1 (8 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| 110 000 14 11 0 1 100                     | 1005 1.1 1.5  |  |

| Expected offering price       | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice |  |
|-------------------------------|---|--|
| Total number of offers        | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |  |
| Total expected offering value | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |  |

13

Covered warrant 48

| Warrant name                              | Warrant HPG.22.PHS.C.EU.Cash  |  |
|---|---|--|
| Name (code) of the underlying securities  | HPG   |  |
| Issuer of underlying securities           | Hoa Phat Group Joint Stock Company  |  |
| Warrant type                              | Call  |  |
| Execution type                            | European  |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |  |
| Duration                                  | 11 months   |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietna   |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                           | 11 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                          | 8:1 (8 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |  |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |  |

# Covered warrant 49

| Warrant name                             | Warrant HPG.23.PHS.C.EU.Cash   |
|--|--|
| Name (code) of the underlying securities | HPG  |
| Issuer of underlying securities          | Hoa Phat Group Joint Stock Company   |
| Warrant type                             | Call   |
| Execution type                           | European   |
| Method of exercising warrants            | Cash payment   |
| Duration                                 | 10 months  |
| Expected offering date                   | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam |
| Expected listing date                    | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues   |
|  | the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date               | 02 working days before expiration date   |

PHS-BOD Meeting-Session 100\_1025 dated December 23rd, 2025

Page 28/116

| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |  |
|---|---|--|
| Conversion ratio                          | 8:1 (8 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |  |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |  |

| Warrant name                              | Warrant HPG.24.PHS.C.EU.Cash  |  |
|---|---|--|
| Name (code) of the underlying securities  | HPG   |  |
| Issuer of underlying securities           | Hoa Phat Group Joint Stock Company  |  |
| Warrant type                              | Call  |  |
| Execution type                            | European  |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |  |
| Duration                                  | 10 months   |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietna   |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                          | 8:1 (8 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |  |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |  |

| Warrant name                                | Warrant MBB.03.PHS.C.EU.Cash         |  |
|---|--------------------------------------|--|
| Name (code) of the<br>underlying securities | MBB                                  |  |
| Issuer of underlying securities             | Military Commercial Joint Stock Bank |  |
| Warrant type                                | Call                                 |  |
| Execution type                              | European                             |  |
| Method of exercising                        | Cash payment                         |  |

| warrants                                  |  |  |
|---|--|--|
| Duration                                  | 12 months  |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam   |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant  |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date   |  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date   |  |
| Conversion ratio                          | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)  |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcem date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered  |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice            |  |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants   |  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)   |  |

| Warrant name                              | Warrant MBB.04.PHS.C.EU.Cash  |  |
|---|---|--|
| Name (code) of the underlying securities  | MBB   |  |
| Issuer of underlying securities           | Military Commercial Joint Stock Bank  |  |
| Warrant type                              | Call  |  |
| Execution type                            | European  |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |  |
| Duration                                  | 12 months   |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietn  |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                          | 5:1 (5 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |  |

| Covered | warrant 53 |
|---------|------------|
|         |            |

| Warrant name                | Warrant MBB.05.PHS.C.EU.Cash  |          |
|-----------------------------|-------------------------------|----------|
| DUS BOD Mosting Session 100 | 100E dated December 2000 0005 | D 001110 |

| Name (code) of the underlying securities  | MBB   |
|---|---|
| Issuer of underlying securities           | Military Commercial Joint Stock Bank  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 11 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 11 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant MBB.06.PHS.C.EU.Cash   |  |
|---|--|--|
| Name (code) of the underlying securities  | MBB  |  |
| Issuer of underlying securities           | Military Commercial Joint Stock Bank   |  |
| Warrant type                              | Call   |  |
| Execution type                            | European   |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment   |  |
| Duration                                  | 11 months  |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered   |  |
|   | Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant  |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date   |  |
| Expiration date                           | 11 months from the offering date   |  |
| Conversion ratio                          | 5:1 (5 covered warrants exchanged for 01 share)  |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcemen date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered  |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant,  |  |
| HS-BOD Meeting-Session 100                | D 1025 dated December 23 <sup>rd</sup> , 2025 Page 31/116  |  |

|                               | specific price will be announced in the Issuance Notice                  |
|-------------------------------|--|
| Total number of offers        | 2,000,000 (Two million) covered warrants                                 |
| Total expected offering value | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion) |

| Warrant name                              | Warrant MBB.07.PHS.C.EU.Cash  |  |
|---|---|--|
| Name (code) of the underlying securities  | MBB   |  |
| Issuer of underlying securities           | Military Commercial Joint Stock Bank  |  |
| Warrant type                              | Call  |  |
| Execution type                            | European  |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |  |
| Duration                                  | 10 months   |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                          | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |  |

| Warrant name                             | Warrant MBB.08.PHS.C.EU.Cash   |  |
|--|--|--|
| Name (code) of the underlying securities | MBB  |  |
| Issuer of underlying securities          | Military Commercial Joint Stock Bank   |  |
| Warrant type                             | Call   |  |
| Execution type                           | European   |  |
| Method of exercising warrants            | Cash payment   |  |
| Duration                                 | 10 months  |  |
| Expected offering date                   | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnan |  |
| Expected listing date                    | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant                  |  |
| Expected last trading date               | 02 working days before expiration date   |  |
| Expiration date                          | 10 months from the offering date   |  |
| Conversion ratio                         | 5:1 (5 covered warrants exchanged for 01 share)  |  |
| DHS ROD Meeting Session 100              | 1025 dated December 22rd 2025  |  |

| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
|---|---|--|
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |  |

| Warrant name                              | Warrant MBB.09.PHS.C.EU.Cash  |  |
|---|---|--|
| Name (code) of the underlying securities  | MBB   |  |
| Issuer of underlying securities           | Military Commercial Joint Stock Bank  |  |
| Warrant type                              | Call  |  |
| Execution type                            | European  |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |  |
| Duration                                  | 12 months   |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                          | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |  |

# Covered warrant 58

| Warrant name                                | Warrant MBB.10.PHS.C.EU.Cash         |           |
|---|--------------------------------------|-----------|
| Name (code) of the<br>underlying securities | MBB                                  | f         |
| Issuer of underlying securities             | Military Commercial Joint Stock Bank | w jobst 1 |
| Warrant type                                | Call                                 |           |
| Execution type                              | European                             |           |
| Method of exercising warrants               | Cash payment                         | 4         |
| Duration                                    | 12 months                            |           |

PHS-BOD Meeting-Session 100\_1025 dated December 23<sup>rd</sup>, 2025

| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |
|---|---|--|
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                          | 5:1 (5 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |  |

| Warrant name                              | Warrant MBB.11.PHS.C.EU.Cash  |  |
|---|---|--|
| Name (code) of the underlying securities  | MBB   |  |
| Issuer of underlying securities           | Military Commercial Joint Stock Bank  |  |
| Warrant type                              | Call  |  |
| Execution type                            | European  |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |  |
| Duration                                  | 10 months   |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietna   |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                          | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |  |

| Warrant name                             | Warrant MBB.12.PHS.C.EU.Cash |
|--|------------------------------|
| Name (code) of the underlying securities | MBB                          |

| Issuer of underlying securities           | Military Commercial Joint Stock Bank  |
|---|---|
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 10 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant MWG.07.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | MWG   |
| Issuer of underlying securities           | Mobile World Investment Corporation   |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues  |
| F   | the listing decision for the covered warrant  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 11:1 (11 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |

| Total expected offering | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 |
|-------------------------|--|
| value                   | (Eight billion)  |

| Covered warrant 62                          |   |
|---|---|
| Warrant name                                | Warrant MWG.08.PHS.C.EU.Cash  |
| Name (code) of the<br>underlying securities | MWG   |
| Issuer of underlying securities             | Mobile World Investment Corporation   |
| Warrant type                                | Call  |
| Execution type                              | European  |
| Method of exercising warrants               | Cash payment  |
| Duration                                    | 12 months   |
| Expected offering date                      | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                       | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                  | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                             | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                            | 10:1 (10 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                     | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment   | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                     | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                      | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| Total expected offering value               | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |

| Warrant name                             | Warrant MWG.21.PHS.C.EU.Cash   |
|--|--|
| Name (code) of the underlying securities | MWG  |
| Issuer of underlying securities          | Mobile World Investment Corporation  |
| Warrant type                             | Call   |
| Execution type                           | European   |
| Method of exercising warrants            | Cash payment   |
| Duration                                 | 11 months  |
| Expected offering date                   | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam   |
| Expected listing date                    | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant                    |
| Expected last trading date               | 02 working days before expiration date   |
| Expiration date                          | 11 months from the offering date   |
| Conversion ratio                         | 11:1 (11 covered warrants exchanged for 01 share)  |
| Expected exercise price                  | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement |
| DUC DOD Mosting Cassian 100              | 1025 dated December 22rd 2025  |

|   | date, specific price will be announced in the Issuance Notice.  |
|---|---|
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |

| Warrant name                              | Warrant MWG.09.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | MWG   |
| Issuer of underlying securities           | Mobile World Investment Corporation   |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 11 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 11 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 10:1 (10 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |

| Warrant name                                | Warrant MWG.10.PHS.C.EU.Cash   |
|---|--|
| Name (code) of the<br>underlying securities | MWG  |
| Issuer of underlying securities             | Mobile World Investment Corporation  |
| Warrant type                                | Call   |
| Execution type                              | European   |
| Method of exercising warrants               | Cash payment   |
| Duration                                    | 10 months  |
| Expected offering date                      | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam |

| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
|---|---|
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 11:1 (11 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |

| Warrant name                                | Warrant MWG.11.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the<br>underlying securities | MWG   |
| Issuer of underlying securities             | Mobile World Investment Corporation   |
| Warrant type                                | Call  |
| Execution type                              | European  |
| Method of exercising warrants               | Cash payment  |
| Duration                                    | 10 months   |
| Expected offering date                      | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                       | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                  | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                             | 10 months from the offering date  |
| Conversion ratio                            | 10:1 (10 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                     | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment   | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                     | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                      | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| Total expected offering value               | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |

| OUTOIGN WAITHING OF                      |                                     |
|--|-------------------------------------|
| Warrant name                             | Warrant MWG.12.PHS.C.EU.Cash        |
| Name (code) of the underlying securities | MWG                                 |
| Issuer of underlying securities          | Mobile World Investment Corporation |

| Warrant type                              | Call  |
|---|---|
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 11:1 (11 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |

| Warrant name                              | Warrant MWG.13.PHS.C.EU.Cash   |  |
|---|--|--|
| Name (code) of the underlying securities  | MWG  |  |
| Issuer of underlying securities           | Mobile World Investment Corporation  |  |
| Warrant type                              | Call   |  |
| Execution type                            | European   |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment   |  |
| Duration                                  | 12 months  |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam   |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant  |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date   |  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date   |  |
| Conversion ratio                          | 11:1 (11 covered warrants exchanged for 01 share)  |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcemen date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered  |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice              |  |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants  |  |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)   |  |

| Warrant name                                | Warrant MWG.14.PHS.C.EU.Cash  |  |
|---|---|--|
| Name (code) of the<br>underlying securities | MWG   |  |
| Issuer of underlying securities             | Mobile World Investment Corporation   |  |
| Warrant type                                | Call  |  |
| Execution type                              | European  |  |
| Method of exercising warrants               | Cash payment  |  |
| Duration                                    | 10 months   |  |
| Expected offering date                      | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |
| Expected listing date                       | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                  | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                             | 10 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                            | 11:1 (11 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                     | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment   | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                     | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                      | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |  |
| Total expected offering value               | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |  |

| Warrant name                              | Warrant MWG.15.PHS.C.EU.Cash   |  |
|---|--|--|
| Name (code) of the underlying securities  | MWG  |  |
| Issuer of underlying securities           | Mobile World Investment Corporation  |  |
| Warrant type                              | Call   |  |
| Execution type                            | European   |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment   |  |
| Duration                                  | 10 months  |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam   |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant  |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date   |  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date   |  |
| Conversion ratio                          | 11:1 (11 covered warrants exchanged for 01 share)  |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered  |  |

| Expected offering price       | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice |  |
|-------------------------------|---|--|
| Total number of offers        | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |  |
| Total expected offering value | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |  |

| Warrant name                              | Warrant MWG.16.PHS.C.EU.Cash  |  |
|---|---|--|
| Name (code) of the underlying securities  | MWG   |  |
| Issuer of underlying securities           | Mobile World Investment Corporation   |  |
| Warrant type                              | Call  |  |
| Execution type                            | European  |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |  |
| Duration                                  | 12 months   |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                          | 13:1 (13 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |  |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |  |

| Warrant name                             | Warrant MWG.17.PHS.C.EU.Cash   |  |
|--|--|--|
| Name (code) of the underlying securities | MWG  |  |
| Issuer of underlying securities          | Mobile World Investment Corporation  |  |
| Warrant type                             | Call   |  |
| Execution type                           | European   |  |
| Method of exercising warrants            | Cash payment   |  |
| Duration                                 | 12 months  |  |
| Expected offering date                   | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam |  |
| Expected listing date                    | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant                  |  |
| Expected last trading date               | 02 working days before expiration date   |  |

| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |  |
|---|---|--|
| Conversion ratio                          | 13:1 (13 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |  |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |  |

| Warrant name                                | Warrant MWG.18.PHS.C.EU.Cash  |  |
|---|---|--|
| Name (code) of the<br>underlying securities | MWG   |  |
| Issuer of underlying securities             | Mobile World Investment Corporation   |  |
| Warrant type                                | Call  |  |
| Execution type                              | European  |  |
| Method of exercising warrants               | Cash payment  |  |
| Duration                                    | 11 months   |  |
| Expected offering date                      | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |
| Expected listing date                       | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                  | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                             | 11 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                            | 13:1 (13 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                     | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment   | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                     | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                      | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |  |
| Total expected offering value               | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |  |

| Warrant name                             | Warrant MWG.19.PHS.C.EU.Cash        |
|--|-------------------------------------|
| Name (code) of the underlying securities | MWG                                 |
| Issuer of underlying securities          | Mobile World Investment Corporation |
| Warrant type                             | Call                                |
| Execution type                           | European                            |
| Method of exercising                     | Cash payment                        |

| warrants                                  |   |  |
|---|---|--|
| Duration                                  | 10 months   |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                          | 13:1 (13 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |  |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |  |

| Warrant name                              | Warrant MWG.20.PHS.C.EU.Cash  |  |
|---|---|--|
| Name (code) of the underlying securities  | MWG   |  |
| Issuer of underlying securities           | Mobile World Investment Corporation   |  |
| Warrant type                              | Call  |  |
| Execution type                            | European  |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |  |
| Duration                                  | 10 months   |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                          | 13:1 (13 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |  |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |  |

| Warrant name                | Warrant STB.07.PHS.C.EU.Cash                 |             |
|-----------------------------|--|-------------|
| PHS-BOD Meeting-Session 100 | _1025 dated December 23 <sup>rd</sup> , 2025 | Page 43/116 |

| Name (code) of the underlying securities  | STB   |  |  |  |
|---|---|--|--|--|
| Issuer of underlying securities           | Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank   |  |  |  |
| Warrant type                              | Call  |  |  |  |
| Execution type                            | European  |  |  |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |  |  |  |
| Duration                                  | 12 months   |  |  |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |  |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |  |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |  |  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |  |  |  |
| Conversion ratio                          | 9:1 (9 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |  |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |  |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |  |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |  |  |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |  |  |  |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |  |  |  |

| Warrant name                              | Warrant STB.08.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | STB   |
| Issuer of underlying securities           | Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank   |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 8:1 (8 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered  |
|   | warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant,  |

|                               | specific price will be announced in the Issuance Notice                    |
|-------------------------------|--|
| Total number of offers        | 4,000,000 (Four million) covered warrants                                  |
| Total expected offering value | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion) |

| Warrant name                              | Warrant STB.09.PHS.C.EU.Cash  |  |  |  |
|---|---|--|--|--|
| Name (code) of the underlying securities  | STB   |  |  |  |
| Issuer of underlying securities           | Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank   |  |  |  |
| Warrant type                              | Call  |  |  |  |
| Execution type                            | European  |  |  |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |  |  |  |
| Duration                                  | 12 months   |  |  |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietna   |  |  |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |  |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |  |  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |  |  |  |
| Conversion ratio                          | 7:1 (7 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |  |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |  |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |  |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |  |  |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |  |  |  |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |  |  |  |

| Warrant name                             | Warrant STB.10.PHS.C.EU.Cash   |      |  |
|--|--|------|--|
| Name (code) of the underlying securities | STB  |      |  |
| Issuer of underlying securities          | Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank  |      |  |
| Warrant type                             | Call   |      |  |
| Execution type                           | European   |      |  |
| Method of exercising warrants            | Cash payment   |      |  |
| Duration                                 | 12 months  |      |  |
| Expected offering date                   | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam |      |  |
| Expected listing date                    | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant                  |      |  |
| Expected last trading date               | 02 working days before expiration date   |      |  |
| Expiration date                          | 12 months from the offering date   |      |  |
| Conversion ratio                         | 7:1 (7 covered warrants exchanged for 01 share)  |      |  |
| HS-BOD Meeting-Session 100               | D_1025 dated December 23 <sup>rd</sup> , 2025 Page 45  | /116 |  |

| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
|---|---|--|
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |  |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |  |

| Warrant name                                | Warrant STB.11.PHS.C.EU.Cash  |  |  |
|---|---|--|--|
|   |   |  |  |
| Name (code) of the<br>underlying securities | STB   |  |  |
| Issuer of underlying securities             | Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank   |  |  |
| Warrant type                                | Call  |  |  |
| Execution type                              | European  |  |  |
| Method of exercising warrants               | Cash payment  |  |  |
| Duration                                    | 10 months   |  |  |
| Expected offering date                      | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |  |
| Expected listing date                       | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |  |
| Expected last trading date                  | 02 working days before expiration date  |  |  |
| Expiration date                             | 10 months from the offering date  |  |  |
| Conversion ratio                            | 10:1 (10 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |  |
| Expected exercise price                     | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announceme date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |  |
| Estimated value of collateral for payment   | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |  |
| Expected offering price                     | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice             |  |  |
| Total number of offers                      | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |  |  |
| Total expected offering value               | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |  |  |

| Warrant name                             | Warrant STB.12.PHS.C.EU.Cash                  |                |   |  |
|--|---|----------------|---|--|
| Name (code) of the underlying securities | STB   | e <sup>e</sup> |   |  |
| Issuer of underlying securities          | Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank |                | - |  |
| Warrant type                             | Call  |                | 0 |  |
| Execution type                           | European                                      |                |   |  |
| Method of exercising                     | Cash payment                                  |                |   |  |
| warrants                                 |   |                |   |  |
| Duration                                 | 10 months                                     |                |   |  |

| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |
|---|---|--|
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                          | 9:1 (9 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |  |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |  |

| Warrant name                              | Warrant STB.13.PHS.C.EU.Cash  |  |  |  |
|---|---|--|--|--|
| Name (code) of the underlying securities  | STB   |  |  |  |
| Issuer of underlying securities           | Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank   |  |  |  |
| Warrant type                              | Call  |  |  |  |
| Execution type                            | European  |  |  |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |  |  |  |
| Duration                                  | 11 months   |  |  |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietna   |  |  |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |  |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |  |  |
| Expiration date                           | 11 months from the offering date  |  |  |  |
| Conversion ratio                          | 9:1 (9 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |  |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announceme date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |  |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |  |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice             |  |  |  |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |  |  |  |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |  |  |  |

| Warrant name                             | Warrant STB.14.PHS.C.EU.Cash |
|--|------------------------------|
| Name (code) of the underlying securities | STB                          |

| Issuer of underlying securities           | Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank   |  |  |  |
|---|---|--|--|--|
| Warrant type                              | Call  |  |  |  |
| Execution type                            | European  |  |  |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |  |  |  |
| Duration                                  | 11 months   |  |  |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |  |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |  |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |  |  |
| Expiration date                           | 11 months from the offering date  |  |  |  |
| Conversion ratio                          | 8:1 (8 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |  |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |  |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |  |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |  |  |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |  |  |  |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |  |  |  |

| Warrant name                              | Warrant STB.15.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | STB   |
| Issuer of underlying securities           | Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank   |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 10 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 9:1 (9 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant,   |
| 1   | specific price will be announced in the Issuance Notice   |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| DUC BOD Mosting Species 100               | 1025 dated December 23rd 2025   |

| Total expected offering | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 |
|-------------------------|--|
| value                   | (Eight billion)  |

| Warrant name                              | Warrant STB.16.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | STB   |
| Issuer of underlying securities           | Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank   |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 10 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 8:1 (8 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |

| Warrant name                             | Warrant STB.17.PHS.C.EU.Cash   |
|--|--|
| Name (code) of the underlying securities | STB  |
| Issuer of underlying securities          | Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank  |
| Warrant type                             | Call   |
| Execution type                           | European   |
| Method of exercising warrants            | Cash payment   |
| Duration                                 | 12 months  |
| Expected offering date                   | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam   |
| Expected listing date                    | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant                    |
| Expected last trading date               | 02 working days before expiration date   |
| Expiration date                          | 12 months from the offering date   |
| Conversion ratio                         | 12:1 (12 covered warrants exchanged for 01 share)  |
| Expected exercise price                  | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement |
| HS-BOD Meeting-Session 100               | )_1025 dated December 23 <sup>rd</sup> , 2025 Page 49/116  |

|   | date, specific price will be announced in the Issuance Notice.  |
|---|---|
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |

| Warrant name                                | Warrant STB.18.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the<br>underlying securities | STB   |
| Issuer of underlying securities             | Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank   |
| Warrant type                                | Call  |
| Execution type                              | European  |
| Method of exercising warrants               | Cash payment  |
| Duration                                    | 12 months   |
| Expected offering date                      | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                       | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                  | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                             | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                            | 12:1 (12 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                     | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment   | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                     | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                      | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| Total expected offering value               | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |

| Warrant name                             | Warrant STB.19.PHS.C.EU.Cash   |
|--|--|
| Name (code) of the underlying securities | STB  |
| Issuer of underlying securities          | Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank  |
| Warrant type                             | Call   |
| Execution type                           | European   |
| Method of exercising warrants            | Cash payment   |
| Duration                                 | 11 months  |
| Expected offering date                   | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam |

| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
|---|---|
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 11 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 12:1 (12 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |

| Warrant name                              | Warrant STB.20.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | STB   |
| Issuer of underlying securities           | Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank   |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 10 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 12:1 (12 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |

| Warrant name                             | Warrant STB.21.PHS.C.EU.Cash                  |
|--|---|
| Name (code) of the underlying securities | STB   |
| Issuer of underlying securities          | Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank |

| Warrant type                              | Call  |
|---|---|
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 10 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 12:1 (12 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |

| Warrant name                              | Warrant VIC.07.PHS.C.EU.Cash   |
|---|--|
| Name (code) of the underlying securities  | VIC  |
| Issuer of underlying securities           | VinGroup Joint Stock Company   |
| Warrant type                              | Call   |
| Execution type                            | European   |
| Method of exercising warrants             | Cash payment   |
| Duration                                  | 12 months  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam   |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date   |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date   |
| Conversion ratio                          | 11:1 (11 covered warrants exchanged for 01 share)  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcemen date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice              |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants   |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)   |
| HS BOD Mosting Specien 100                | 1025 dated December 22td 2025  |

| Warrant name                              | Warrant VIC.08.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | VIC   |
| Issuer of underlying securities           | VinGroup Joint Stock Company  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 10:1 (10 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name Warrant VIC.09.PHS.C.EU.Cash |   |  |
|---|---|--|
| Name (code) of the underlying securities  | VIC   |  |
| Issuer of underlying securities           | VinGroup Joint Stock Company  |  |
| Warrant type                              | Call  |  |
| Execution type                            | European  |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |  |
| Duration                                  | 12 months   |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                          | 10:1 (10 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of                        | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| HS-BOD Meeting-Session 100                | 1025 dated December 23 <sup>rd</sup> , 2025 Page 53/116   |  |

| collateral for payment        |   |
|-------------------------------|---|
| Expected offering price       | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice |
| Total number of offers        | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant VIC.10.PHS.C.EU.Cash  |  |
|---|---|--|
| Name (code) of the underlying securities  | VIC   |  |
| Issuer of underlying securities           | VinGroup Joint Stock Company  |  |
| Warrant type                              | Call  |  |
| Execution type                            | European  |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |  |
| Duration                                  | 12 months   |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                          | 11:1 (11 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |  |
| Total expected offering                   | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000   |  |
| value                                     | (Four billion)  |  |

| Warrant name                             | Warrant VIC.11.PHS.C.EU.Cash   |
|--|--|
| Name (code) of the underlying securities | VIC  |
| Issuer of underlying securities          | VinGroup Joint Stock Company   |
| Warrant type                             | Call   |
| Execution type                           | European   |
| Method of exercising warrants            | Cash payment   |
| Duration                                 | 10 months  |
| Expected offering date                   | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam |
| Expected listing date                    | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant                  |

| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
|---|---|
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 11:1 (11 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant VIC.12.PHS.C.EU.Cash  |  |
|---|---|--|
| Name (code) of the underlying securities  | VIC   |  |
| Issuer of underlying securities           | VinGroup Joint Stock Company  |  |
| Warrant type                              | Call  |  |
| Execution type                            | European  |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |  |
| Duration                                  | 10 months   |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                          | 10:1 (10 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |  |

# Covered warrant 97

| Warrant name                                | Warrant VNM.07.PHS.C.EU.Cash               |     |
|---|--|-----|
| Name (code) of the<br>underlying securities | VNM  |     |
| Issuer of underlying securities             | Vietnam Dairy Products Joint Stock Company |     |
| Warrant type                                | Call                                       |     |
| Execution type                              | European                                   | 100 |

PHS-BOD Meeting-Session 100\_1025 dated December 23rd, 2025

| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
|---|---|
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 11:1 (11 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant VNM.08.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | VNM   |
| Issuer of underlying securities           | Vietnam Dairy Products Joint Stock Company  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 11 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 11 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 11:1 (11 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant VNM.09.PHS.C.EU.Cash   |  |
|---|--|--|
| Name (code) of the underlying securities  | VNM  |  |
| Issuer of underlying securities           | Vietnam Dairy Products Joint Stock Company   |  |
| Warrant type                              | Call   |  |
| Execution type                            | European   |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment   |  |
| Duration                                  | 12 months  |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam   |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant  |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date   |  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date   |  |
| Conversion ratio                          | 10:1 (10 covered warrants exchanged for 01 share)  |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcemen date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered  |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice              |  |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants   |  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)   |  |

| Warrant name                              | Warrant VNM.10.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | VNM   |
| Issuer of underlying securities           | Vietnam Dairy Products Joint Stock Company  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 11 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 11 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 10:1 (10 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |

| Expected offering price       | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice |
|-------------------------------|---|
| Total number of offers        | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant VNM.11.PHS.C.EU.Cash  |  |
|---|---|--|
| Name (code) of the underlying securities  | VNM   |  |
| Issuer of underlying securities           | Vietnam Dairy Products Joint Stock Company  |  |
| Warrant type                              | Call  |  |
| Execution type                            | European  |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |  |
| Duration                                  | 10 months   |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnar  |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                          | 11:1 (11 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |  |

| Warrant name                             | Warrant VNM.12.PHS.C.EU.Cash   |  |
|--|--|--|
| Name (code) of the underlying securities | VNM  |  |
| Issuer of underlying securities          | Vietnam Dairy Products Joint Stock Company   |  |
| Warrant type                             | Call   |  |
| Execution type                           | European   |  |
| Method of exercising warrants            | Cash payment   |  |
| Duration                                 | 10 months  |  |
| Expected offering date                   | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam |  |
| Expected listing date                    | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues   |  |
|  | the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date               | 02 working days before expiration date   |  |
| DUC DOD Mosting Cassian 100              | 100E dated December 22rd 200E  |  |

| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |  |
|---|---|--|
| Conversion ratio                          | 10:1 (10 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |  |

| Warrant name                              | Warrant VNM.13.PHS.C.EU.Cash  |  |  |
|---|---|--|--|
| Name (code) of the underlying securities  | VNM   |  |  |
| Issuer of underlying securities           | Vietnam Dairy Products Joint Stock Company  |  |  |
| Warrant type                              | Call  |  |  |
| Execution type                            | European  |  |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |  |  |
| Duration                                  | 11 months   |  |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |  |
| Expiration date                           | 11 months from the offering date  |  |  |
| Conversion ratio                          | 11:1 (11 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |  |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |  |  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |  |  |

### Covered warrant 104

| Warrant name                                | Warrant VNM.14.PHS.C.EU.Cash               |
|---|--|
| Name (code) of the<br>underlying securities | VNM  |
| Issuer of underlying securities             | Vietnam Dairy Products Joint Stock Company |
| Warrant type                                | Call                                       |
| Execution type                              | European                                   |
| Method of exercising                        | Cash payment                               |

PHS-BOD Meeting-Session 100\_1025 dated December 23rd, 2025

| warrants                                  | 100   |  |  |
|---|---|--|--|
| Duration                                  | 11 months   |  |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |  |
| Expiration date                           | 11 months from the offering date  |  |  |
| Conversion ratio                          | 11:1 (11 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |  |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |  |  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |  |  |

| Warrant name                              | Warrant VIB.02.PHS.C.EU.Cash  |  |  |
|---|---|--|--|
| Name (code) of the underlying securities  | VIB   |  |  |
| Issuer of underlying securities           | Vietnam International Commercial Joint Stock Bank   |  |  |
| Warrant type                              | Call  |  |  |
| Execution type                            | European  |  |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |  |  |
| Duration                                  | 12 months   |  |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |  |  |
| Conversion ratio                          | 5:1 (5 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |  |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |  |  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |  |  |

| A     | 1  |     | A    | 400 |
|-------|----|-----|------|-----|
| Cover | ea | war | rant | TUO |
|       |    |     |      |     |

| Warrant name | Warrant VIB.03.PHS.C.EU.Cash |
|--------------|------------------------------|
|              |                              |

| Name (code) of the underlying securities  | VIB   |  |  |
|---|---|--|--|
| Issuer of underlying securities           | Vietnam International Commercial Joint Stock Bank   |  |  |
| Warrant type                              | Call  |  |  |
| Execution type                            | European  |  |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |  |  |
| Duration                                  | 12 months   |  |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |  |  |
| Conversion ratio                          | 5:1 (5 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |  |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |  |  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |  |  |

| Warrant name                                | Warrant VIB.04.PHS.C.EU.Cash   |  |  |  |
|---|--|--|--|--|
| Name (code) of the<br>underlying securities | VIB  |  |  |  |
| Issuer of underlying securities             | Vietnam International Commercial Joint Stock Bank  |  |  |  |
| Warrant type                                | Call   |  |  |  |
| Execution type                              | European   |  |  |  |
| Method of exercising warrants               | Cash payment   |  |  |  |
| Duration                                    | 12 months  |  |  |  |
| Expected offering date                      | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam   |  |  |  |
| Expected listing date                       | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant  |  |  |  |
| Expected last trading date                  | 02 working days before expiration date   |  |  |  |
| Expiration date                             | 12 months from the offering date   |  |  |  |
| Conversion ratio                            | 4:1 (4 covered warrants exchanged for 01 share)  |  |  |  |
| Expected exercise price                     | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcemen date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |  |  |
| Estimated value of collateral for payment   | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered  |  |  |  |
| Expected offering price                     | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant,  |  |  |  |

|                               | specific price will be announced in the Issuance Notice                  |
|-------------------------------|--|
| Total number of offers        | 2,000,000 (Two million) covered warrants                                 |
| Total expected offering value | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion) |

| Warrant name                              | Warrant VIB.05.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | VIB   |
| Issuer of underlying securities           | Vietnam International Commercial Joint Stock Bank   |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 4:1 (4 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                                | Warrant VIB.06.PHS.C.EU.Cash   |
|---|--|
| Name (code) of the<br>underlying securities | VIB  |
| Issuer of underlying securities             | Vietnam International Commercial Joint Stock Bank  |
| Warrant type                                | Call   |
| Execution type                              | European   |
| Method of exercising warrants               | Cash payment   |
| Duration                                    | 10 months  |
| Expected offering date                      | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam |
| Expected listing date                       | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant                  |
| Expected last trading date                  | 02 working days before expiration date   |
| Expiration date                             | 10 months from the offering date   |
| Conversion ratio                            | 5:1 (5 covered warrants exchanged for 01 share)  |
| PHS-BOD Meeting-Session 100                 | 2_1025 dated December 23 <sup>rd</sup> , 2025 Page 62/116  |

| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
|---|---|
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant VIB.07.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | VIB   |
| Issuer of underlying securities           | Vietnam International Commercial Joint Stock Bank   |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 10 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 4:1 (4 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                                | Warrant VIB.08.PHS.C.EU.Cash                      |
|---|---|
| Name (code) of the<br>underlying securities | VIB   |
| Issuer of underlying securities             | Vietnam International Commercial Joint Stock Bank |
| Warrant type                                | Call  |
| Execution type                              | European  |
| Method of exercising warrants               | Cash payment                                      |
| Duration                                    | 11 months   |

| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
|---|---|
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 11 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 5:1 (5 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant VIB.09.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | VIB   |
| Issuer of underlying securities           | Vietnam International Commercial Joint Stock Bank   |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 11 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 11 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 4:1 (4 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                             | Warrant VIB.10.PHS.C.EU.Cash |
|--|------------------------------|
| Name (code) of the underlying securities | VIB                          |

| Issuer of underlying securities           | Vietnam International Commercial Joint Stock Bank   |
|---|---|
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 5:1 (5 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                                | Warrant VIB.11.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the<br>underlying securities | VIB   |
| Issuer of underlying securities             | Vietnam International Commercial Joint Stock Bank   |
| Warrant type                                | Call  |
| Execution type                              | European  |
| Method of exercising warrants               | Cash payment  |
| Duration                                    | 12 months   |
| Expected offering date                      | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                       | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                  | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                             | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                            | 5:1 (5 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                     | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment   | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                     | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                      | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| VIO DOD II II O : 100                       | 4005 4-1-4 D1   |

PHS-BOD Meeting-Session 100\_1025 dated December 23rd, 2025





| Total expected offering | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 |
|-------------------------|---|
| value                   | (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant VJC.03.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | VJC   |
| Issuer of underlying securities           | Vietjet Aviation Joint Stock Company  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 22:1 (22 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                             | Warrant VJC.04.PHS.C.EU.Cash   |
|--|--|
| Name (code) of the underlying securities | VJC  |
| Issuer of underlying securities          | Vietjet Aviation Joint Stock Company   |
| Warrant type                             | Call   |
| Execution type                           | European   |
| Method of exercising warrants            | Cash payment   |
| Duration                                 | 12 months  |
| Expected offering date                   | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam   |
| Expected listing date                    | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant                    |
| Expected last trading date               | 02 working days before expiration date   |
| Expiration date                          | 12 months from the offering date   |
| Conversion ratio                         | 22:1 (22 covered warrants exchanged for 01 share)  |
| Expected exercise price                  | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement |
| OUS DOD Mosting Session 100              | 1025 dated December 22rd 2025  |

|   | date, specific price will be announced in the Issuance Notice.  |
|---|---|
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant VJC.05.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | VJC   |
| Issuer of underlying securities           | Vietjet Aviation Joint Stock Company  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 28:1 (28 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

# Covered warrant 118

| Warrant name                             | Warrant VJC.06.PHS.C.EU.Cash   |
|--|--|
| Name (code) of the underlying securities | VJC  |
| Issuer of underlying securities          | Vietjet Aviation Joint Stock Company   |
| Warrant type                             | Call   |
| Execution type                           | European   |
| Method of exercising warrants            | Cash payment   |
| Duration                                 | 12 months  |
| Expected offering date                   | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam |

PHS-BOD Meeting-Session 100\_1025 dated December 23rd, 2025

| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
|---|---|
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 28:1 (28 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant VJC.07.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | VJC   |
| Issuer of underlying securities           | Vietjet Aviation Joint Stock Company  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 10 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 28:1 (28 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                             | Warrant VJC.08.PHS.C.EU.Cash         |
|--|--------------------------------------|
| Name (code) of the underlying securities | VJC                                  |
| Issuer of underlying                     | Vietjet Aviation Joint Stock Company |
| securities                               |                                      |

| Warrant type                              | Call  |
|---|---|
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 10 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 22:1 (22 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant VJC.09.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | VJC   |
| Issuer of underlying securities           | Vietjet Aviation Joint Stock Company  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 28:1 (28 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant VJC.10.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | VJC   |
| Issuer of underlying securities           | Vietjet Aviation Joint Stock Company  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 11 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 11 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 28:1 (28 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                             | Warrant VPB.07.PHS.C.EU.Cash  |
|--|---|
| Name (code) of the underlying securities | VPB   |
| Issuer of underlying securities          | Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank  |
| Warrant type                             | Call  |
| Execution type                           | European  |
| Method of exercising warrants            | Cash payment  |
| Duration                                 | 12 months   |
| Expected offering date                   | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                    | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date               | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                          | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                         | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                  | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of                       | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| collateral for payment                   |   |

| Expected offering price       | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice |
|-------------------------------|---|
| Total number of offers        | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| Total expected offering value | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |

| Warrant name                              | Warrant VPB.08.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | VPB   |
| Issuer of underlying securities           | Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 5:1 (5 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |

#### Covered warrant 125

| Warrant name                             | Warrant VPB.09.PHS.C.EU.Cash   |
|--|--|
| Name (code) of the underlying securities | VPB  |
| Issuer of underlying securities          | Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank   |
| Warrant type                             | Call   |
| Execution type                           | European   |
| Method of exercising warrants            | Cash payment   |
| Duration                                 | 11 months  |
| Expected offering date                   | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam |
| Expected listing date                    | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant                  |
| Expected last trading date               | 02 working days before expiration date   |

PHS-BOD Meeting-Session 100\_1025 dated December 23rd, 2025

| Expiration date                           | 11 months from the offering date  |
|---|---|
| Conversion ratio                          | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |

| Warrant name                              | Warrant VPB.10.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | VPB   |
| Issuer of underlying securities           | Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 11 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 11 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 5:1 (5 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |

| Warrant name                             | Warrant VPB.11.PHS.C.EU.Cash                   |
|--|--|
| Name (code) of the underlying securities | VPB  |
| Issuer of underlying securities          | Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank |
| Warrant type                             | Call   |
| Execution type                           | European                                       |
| Method of exercising                     | Cash payment                                   |

| warrants                                  |   |
|---|---|
| Duration                                  | 10 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |

| Warrant name                              | Warrant VPB.12.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | VPB   |
| Issuer of underlying securities           | Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 10 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 5:1 (5 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |

| Warrant name | Warrant VPB.13.PHS.C.EU.Cash |
|--------------|------------------------------|
|--------------|------------------------------|

| Name (code) of the underlying securities  | VPB   |
|---|---|
| Issuer of underlying securities           | Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |

| Warrant name                              | Warrant VPB.14.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | VPB   |
| Issuer of underlying securities           | Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 5:1 (5 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered  |
|   | warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant,  |

|                               | specific price will be announced in the Issuance Notice                    |
|-------------------------------|--|
| Total number of offers        | 4,000,000 (Four million) covered warrants                                  |
| Total expected offering value | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion) |

| Warrant name                              | Warrant VPB.15.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | VPB   |
| Issuer of underlying securities           | Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 10 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |

| Warrant name                             | Warrant VPB.16.PHS.C.EU.Cash  |        |
|--|---|--------|
| Name (code) of the underlying securities | VPB   |        |
| Issuer of underlying securities          | Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank  |        |
| Warrant type                             | Call  |        |
| Execution type                           | European  |        |
| Method of exercising warrants            | Cash payment  | E      |
| Duration                                 | 10 months   |        |
| Expected offering date                   | Within 07 (seven) working days after receiving the Covere Warrant Certificate from State Securities Commission of V |        |
| Expected listing date                    | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant           |        |
| Expected last trading date               | 02 working days before expiration date  |        |
| Expiration date                          | 10 months from the offering date  |        |
| Conversion ratio                         | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   | 97.0   |
| PHS-BOD Meeting-Session 100              | D_1025 dated December 23 <sup>rd</sup> , 2025 Page  | 75/116 |

| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
|---|---|
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |

| Warrant name                              | Warrant VPB.17.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | VPB   |
| Issuer of underlying securities           | Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 8:1 (8 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |

| Warrant name                             | Warrant VPB.18.PHS.C.EU.Cash                   |
|--|--|
| Name (code) of the underlying securities | VPB  |
| Issuer of underlying securities          | Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank |
| Warrant type                             | Call   |
| Execution type                           | European                                       |
| Method of exercising warrants            | Cash payment                                   |
| Duration                                 | 12 months                                      |

| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
|---|---|
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 8:1 (8 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |

| Warrant name                              | Warrant VPB.19.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | VPB   |
| Issuer of underlying securities           | Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 11 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 11 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 8:1 (8 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |

| Warrant name          | Warrant VPB.20.PHS.C.EU.Cash |  |
|-----------------------|------------------------------|--|
| Name (code) of the    | VPB                          |  |
| underlying securities |                              |  |

| Issuer of underlying securities           | Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank  |  |
|---|---|--|
| Warrant type                              | Call  |  |
| Execution type                            | European  |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |  |
| Duration                                  | 10 months   |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                          | 8:1 (8 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                    | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |  |
| Total expected offering value             | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 (Eight billion)  |  |

| Warrant name                                | Warrant VPB.21.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the<br>underlying securities | VPB   |
| Issuer of underlying securities             | Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank  |
| Warrant type                                | Call  |
| Execution type                              | European  |
| Method of exercising warrants               | Cash payment  |
| Duration                                    | 10 months   |
| Expected offering date                      | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                       | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                  | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                             | 10 months from the offering date  |
| Conversion ratio                            | 8:1 (8 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                     | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment   | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                     | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant,   |
|   | specific price will be announced in the Issuance Notice   |
| Total number of offers                      | 4,000,000 (Four million) covered warrants   |
| PHS-BOD Meeting-Session 100                 | 1025 dated December 23rd, 2025 Page 78/116  |

| Total expected offering | From VND 4,000,000,000 (Four billion) to VND 8,000,000,000 |
|-------------------------|--|
| value                   | (Eight billion)  |

| Warrant name                              | Warrant LPB.02.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | LPB   |
| Issuer of underlying securities           | Fortune Vietnam Joint Stock Commercial Bank   |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 9:1 (9 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                             | Warrant LPB.03.PHS.C.EU.Cash   |
|--|--|
| Name (code) of the underlying securities | LPB  |
| Issuer of underlying securities          | Fortune Vietnam Joint Stock Commercial Bank  |
| Warrant type                             | Call   |
| Execution type                           | European   |
| Method of exercising warrants            | Cash payment   |
| Duration                                 | 12 months  |
| Expected offering date                   | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam   |
| Expected listing date                    | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant                    |
| Expected last trading date               | 02 working days before expiration date   |
| Expiration date                          | 12 months from the offering date   |
| Conversion ratio                         | 10:1 (10 covered warrants exchanged for 01 share)  |
| Expected exercise price                  | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement |
| PHS-BOD Meeting-Session 100              | ) 1025 dated December 23 <sup>rd</sup> , 2025 Page 79/116  |

|   | date, specific price will be announced in the Issuance Notice.  |
|---|---|
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant LPB.04.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | LPB   |
| Issuer of underlying securities           | Fortune Vietnam Joint Stock Commercial Bank   |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 11 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 11 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 9:1 (9 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                             | Warrant LPB.05.PHS.C.EU.Cash   |
|--|--|
| Name (code) of the underlying securities | LPB  |
| Issuer of underlying securities          | Fortune Vietnam Joint Stock Commercial Bank  |
| Warrant type                             | Call   |
| Execution type                           | European   |
| Method of exercising warrants            | Cash payment   |
| Duration                                 | 11 months  |
| Expected offering date                   | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam |

| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues  |
|---|---|
|   | the listing decision for the covered warrant  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 11 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 10:1 (10 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant LPB.06.PHS.C.EU.Cash  |  |
|---|---|--|
| Name (code) of the underlying securities  | LPB   |  |
| Issuer of underlying securities           | Fortune Vietnam Joint Stock Commercial Bank   |  |
| Warrant type                              | Call  |  |
| Execution type                            | European  |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |  |
| Duration                                  | 10 months   |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietna   |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                          | 9:1 (9 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |  |

| Warrant name                                | Warrant LPB.07.PHS.C.EU.Cash                |  |
|---|---|--|
| Name (code) of the<br>underlying securities | LPB   |  |
| Issuer of underlying securities             | Fortune Vietnam Joint Stock Commercial Bank |  |

| Warrant type                              | Call  |
|---|---|
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 10 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 10:1 (10 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant LPB.08.PHS.C.EU.Cash   |
|---|--|
| Name (code) of the underlying securities  | LPB  |
| Issuer of underlying securities           | Fortune Vietnam Joint Stock Commercial Bank  |
| Warrant type                              | Call   |
| Execution type                            | European   |
| Method of exercising warrants             | Cash payment   |
| Duration                                  | 12 months  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam   |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date   |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date   |
| Conversion ratio                          | 10:1 (10 covered warrants exchanged for 01 share)  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcemen date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice              |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants   |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)   |
| HS-ROD Meeting Session 100                | 1025 dated December 22rd 2025  |

| Warrant name                              | Warrant LPB.09.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | LPB   |
| Issuer of underlying securities           | Fortune Vietnam Joint Stock Commercial Bank   |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 9:1 (9 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| LPB   |
|---|
| a i' ii ii  |
| Fortune Vietnam Joint Stock Commercial Bank   |
| Call  |
| European  |
| Cash payment  |
| 10 months   |
| Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| 02 working days before expiration date  |
| 10 months from the offering date  |
| 10:1 (10 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
|   |

| Expected offering price       | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice |
|-------------------------------|---|
| Total number of offers        | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant LPB.11.PHS.C.EU.Cash  |  |
|---|---|--|
| Name (code) of the underlying securities  | LPB   |  |
| Issuer of underlying securities           | Fortune Vietnam Joint Stock Commercial Bank   |  |
| Warrant type                              | Call  |  |
| Execution type                            | European  |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |  |
| Duration                                  | 10 months   |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                          | 10:1 (10 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |  |

| Warrant name                             | Warrant VRE.08.PHS.C.EU.Cash   |  |
|--|--|--|
| Name (code) of the underlying securities | VRE  |  |
| Issuer of underlying securities          | Vincom Retail Joint Stock Company  |  |
| Warrant type                             | Call   |  |
| Execution type                           | European   |  |
| Method of exercising warrants            | Cash payment   |  |
| Duration                                 | 12 months  |  |
| Expected offering date                   | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam |  |
| Expected listing date                    | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues   |  |
|  | the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date               | 02 working days before expiration date   |  |
| 110 DOD 14 - 1: 0 : 10                   |  |  |

| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |  |
|---|---|--|
| Conversion ratio                          | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |  |

| Warrant name                                | Warrant VRE.09.PHS.C.EU.Cash  |  |
|---|---|--|
| Name (code) of the<br>underlying securities | VRE   |  |
| Issuer of underlying securities             | Vincom Retail Joint Stock Company   |  |
| Warrant type                                | Call  |  |
| Execution type                              | European  |  |
| Method of exercising warrants               | Cash payment  |  |
| Duration                                    | 12 months   |  |
| Expected offering date                      | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |
| Expected listing date                       | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                  | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                             | 12 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                            | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                     | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment   | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                     | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                      | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |  |
| Total expected offering value               | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |  |

| Warrant VRE.10.PHS.C.EU.Cash      |  |
|-----------------------------------|--|
| VRE                               |  |
| Vincom Retail Joint Stock Company |  |
| Call                              | manufacture of the second                            |
| European                          |  |
| Cash payment                      |  |
|                                   | VRE Vincom Retail Joint Stock Company  Call European |

| warrants                                  |   |  |
|---|---|--|
| Duration                                  | 12 months   |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                          | 5:1 (5 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |  |

| Warrant name                              | Warrant VRE.11.PHS.C.EU.Cash  |  |
|---|---|--|
| Name (code) of the underlying securities  | VRE   |  |
| Issuer of underlying securities           | Vincom Retail Joint Stock Company   |  |
| Warrant type                              | Call  |  |
| Execution type                            | European  |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |  |
| Duration                                  | 12 months   |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                          | 5:1 (5 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |  |

| Warrant name                              | Warrant VRE.12.PHS.C.EU.Cash  |  |
|---|---|--|
| Name (code) of the underlying securities  | VRE   |  |
| Issuer of underlying securities           | Vincom Retail Joint Stock Company   |  |
| Warrant type                              | Call  |  |
| Execution type                            | European  |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |  |
| Duration                                  | 10 months   |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnar  |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                          | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |  |

| Warrant name                                | Warrant VRE.13.PHS.C.EU.Cash   |  |
|---|--|--|
| Name (code) of the<br>underlying securities | VRE  |  |
| Issuer of underlying securities             | Vincom Retail Joint Stock Company  |  |
| Warrant type                                | Call   |  |
| Execution type                              | European   |  |
| Method of exercising warrants               | Cash payment   |  |
| Duration                                    | 10 months  |  |
| Expected offering date                      | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam   |  |
| Expected listing date                       | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant  |  |
| Expected last trading date                  | 02 working days before expiration date   |  |
| Expiration date                             | 10 months from the offering date   |  |
| Conversion ratio                            | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)  |  |
| Expected exercise price                     | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcemen date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment   | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered  |  |

| Expected offering price       | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice |
|-------------------------------|---|
| Total number of offers        | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant VRE.14.PHS.C.EU.Cash   |  |
|---|--|--|
| Name (code) of the underlying securities  | VRE  |  |
| Issuer of underlying securities           | Vincom Retail Joint Stock Company  |  |
| Warrant type                              | Call   |  |
| Execution type                            | European   |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment   |  |
| Duration                                  | 11 months  |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam   |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant  |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date   |  |
| Expiration date                           | 11 months from the offering date   |  |
| Conversion ratio                          | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)  |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcemen date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered  |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice              |  |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants   |  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)   |  |

| Warrant name                             | Warrant VRE.15.PHS.C.EU.Cash   |  |
|--|--|--|
| Name (code) of the underlying securities | VRE  |  |
| Issuer of underlying securities          | Vincom Retail Joint Stock Company  |  |
| Warrant type                             | Call   |  |
| Execution type                           | European   |  |
| Method of exercising warrants            | Cash payment   |  |
| Duration                                 | 11 months  |  |
| Expected offering date                   | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam |  |
| Expected listing date                    | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues   |  |
|  | the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date               | 02 working days before expiration date   |  |

| Expiration date                           | 11 months from the offering date  |  |
|---|---|--|
| Conversion ratio                          | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announceme date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice             |  |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |  |

| Warrant name                                | Warrant VRE.16.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the<br>underlying securities | VRE   |
| Issuer of underlying securities             | Vincom Retail Joint Stock Company   |
| Warrant type                                | Call  |
| Execution type                              | European  |
| Method of exercising warrants               | Cash payment  |
| Duration                                    | 12 months   |
| Expected offering date                      | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                       | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                  | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                             | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                            | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                     | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment   | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                     | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                      | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value               | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                                | Warrant VRE.17.PHS.C.EU.Cash      |            |
|---|-----------------------------------|------------|
| Name (code) of the<br>underlying securities | VRE                               |            |
| Issuer of underlying securities             | Vincom Retail Joint Stock Company | 8          |
| Warrant type                                | Call                              |            |
| Execution type                              | European                          | The second |
| Method of exercising                        | Cash payment                      |            |

| warrants                                  |   |
|---|---|
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant HDB.04.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | HDB   |
| Issuer of underlying securities           | Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant HDB.05.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | HDB   |
| Issuer of underlying securities           | Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                                | Warrant HDB.06.PHS.C.EU.Cash  |  |
|---|---|--|
| Name (code) of the<br>underlying securities | HDB   |  |
| Issuer of underlying securities             | Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank  |  |
| Warrant type                                | Call  |  |
| Execution type                              | European  |  |
| Method of exercising warrants               | Cash payment  |  |
| Duration                                    | 12 months   |  |
| Expected offering date                      | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |
| Expected listing date                       | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                  | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                             | 12 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                            | 5:1 (5 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                     | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment   | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| US DOD Masting Cassian 100                  | 1005 dated December 20th 2005   |  |

| Expected offering price       | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice |
|-------------------------------|---|
| Total number of offers        | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                                | Warrant HDB.07.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the<br>underlying securities | HDB   |
| Issuer of underlying securities             | Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank  |
| Warrant type                                | Call  |
| Execution type                              | European  |
| Method of exercising warrants               | Cash payment  |
| Duration                                    | 12 months   |
| Expected offering date                      | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                       | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                  | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                             | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                            | 5:1 (5 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                     | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment   | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                     | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                      | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value               | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                             | Warrant HDB.08.PHS.C.EU.Cash   |  |
|--|--|--|
| Name (code) of the underlying securities | HDB  |  |
| Issuer of underlying securities          | Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank   |  |
| Warrant type                             | Call   |  |
| Execution type                           | European   |  |
| Method of exercising warrants            | Cash payment   |  |
| Duration                                 | 10 months  |  |
| Expected offering date                   | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam |  |
| Expected listing date                    | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues   |  |
|  | the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date               | 02 working days before expiration date   |  |
|  |  |  |

| 11   |
|------|
| 1/0  |
| 11/4 |
|      |
| 112  |
| 11.7 |
| 11.  |
| 7    |

| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |  |
|---|---|--|
| Conversion ratio                          | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |  |

| Warrant name                              | Warrant HDB.09.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | HDB   |
| Issuer of underlying securities           | Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 10 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

### Covered warrant 164

| Warrant name                                | Warrant VHM.07.PHS.C.EU.Cash |
|---|------------------------------|
| Name (code) of the<br>underlying securities | VHM                          |
| Issuer of underlying securities             | Vinhomes Joint Stock Company |
| Warrant type                                | Call                         |
| Execution type                              | European                     |
| Method of exercising                        | Cash payment                 |

PHS-BOD Meeting-Session 100\_1025 dated December 23rd, 2025

| warrants                                  |   |
|---|---|
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 11:1 (11 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant VHM.08.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | VHM   |
| Issuer of underlying securities           | Vinhomes Joint Stock Company  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 11:1 (11 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant VHM.09.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | VHM   |
| Issuer of underlying securities           | Vinhomes Joint Stock Company  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 9:1 (9 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant VHM.10.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | VHM   |
| Issuer of underlying securities           | Vinhomes Joint Stock Company  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 9:1 (9 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| 110 DOD M1: 0: 400                        | 1005 4-1-4 D  |

| Expected offering price       | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice |
|-------------------------------|---|
| Total number of offers        | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant VHM.11.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | VHM   |
| Issuer of underlying securities           | Vinhomes Joint Stock Company  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 10 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 11:1 (11 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Name (code) of the<br>underlying securities | VHM  |
|---|--|
| Issuer of underlying securities             | Vinhomes Joint Stock Company   |
| Warrant type                                | Call   |
| Execution type                              | European   |
| Method of exercising warrants               | Cash payment   |
| Duration                                    | 10 months  |
| Expected offering date                      | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam |
| Expected listing date                       | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant                  |
| Expected last trading date                  | 02 working days before expiration date   |

| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |
|---|---|
| Conversion ratio                          | 9:1 (9 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant VHM.13.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | VHM   |
| Issuer of underlying securities           | Vinhomes Joint Stock Company  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 11 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 11 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 11:1 (11 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

### Covered warrant 171

| Warrant name                                | Warrant VHM.14.PHS.C.EU.Cash |
|---|------------------------------|
| Name (code) of the<br>underlying securities | VHM                          |
| Issuer of underlying securities             | Vinhomes Joint Stock Company |
| Warrant type                                | Call                         |
| Execution type                              | European                     |
| Method of exercising                        | Cash payment                 |

PHS-BOD Meeting-Session 100\_1025 dated December 23rd, 2025

| warrants                                  |   |  |
|---|---|--|
| Duration                                  | 11 months   |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                           | 11 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                          | 11:1 (11 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |  |

| Warrant name                              | Warrant VHM.15.PHS.C.EU.Cash  |  |
|---|---|--|
| Name (code) of the underlying securities  | VHM   |  |
| Issuer of underlying securities           | Vinhomes Joint Stock Company  |  |
| Warrant type                              | Call  |  |
| Execution type                            | European  |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |  |
| Duration                                  | 12 months   |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnar  |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                          | 11:1 (11 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |  |

| Warrant name                              | Warrant VHM.16.PHS.C.EU.Cash  |  |
|---|---|--|
| Name (code) of the underlying securities  | VHM   |  |
| Issuer of underlying securities           | Vinhomes Joint Stock Company  |  |
| Warrant type                              | Call  |  |
| Execution type                            | European  |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |  |
| Duration                                  | 12 months   |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                          | 11:1 (11 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |  |

| Warrant name                                | Warrant TPB.03.PHS.C.EU.Cash   |  |
|---|--|--|
| Name (code) of the<br>underlying securities | TPB  |  |
| Issuer of underlying securities             | Tien Phong Commercial Joint Stock Bank   |  |
| Warrant type                                | Call   |  |
| Execution type                              | European   |  |
| Method of exercising warrants               | Cash payment   |  |
| Duration                                    | 12 months  |  |
| Expected offering date                      | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam   |  |
| Expected listing date                       | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant  |  |
| Expected last trading date                  | 02 working days before expiration date   |  |
| Expiration date                             | 12 months from the offering date   |  |
| Conversion ratio                            | 5:1 (5 covered warrants exchanged for 01 share)  |  |
| Expected exercise price                     | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcemen date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment   | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered  |  |

| Expected offering price       | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice |  |
|-------------------------------|---|--|
| Total number of offers        | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |  |
| Total expected offering value | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |  |

| Warrant name                              | Warrant TPB.04.PHS.C.EU.Cash  |  |
|---|---|--|
| Name (code) of the underlying securities  | TPB   |  |
| Issuer of underlying securities           | Tien Phong Commercial Joint Stock Bank  |  |
| Warrant type                              | Call  |  |
| Execution type                            | European  |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |  |
| Duration                                  | 12 months   |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietna   |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                          | 5:1 (5 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announceme date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice             |  |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |  |

| Warrant name                             | Warrant TPB.05.PHS.C.EU.Cash   |  |
|--|--|--|
| Name (code) of the underlying securities | TPB  |  |
| Issuer of underlying securities          | Tien Phong Commercial Joint Stock Bank   |  |
| Warrant type                             | Call   |  |
| Execution type                           | European   |  |
| Method of exercising warrants            | Cash payment   |  |
| Duration                                 | 12 months  |  |
| Expected offering date                   | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietn |  |
| Expected listing date                    | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant                |  |
| Expected last trading date               | 02 working days before expiration date   |  |

| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |  |
|---|---|--|
| Conversion ratio                          | 4:1 (4 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covere warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice                |  |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |  |

| Warrant name                              | Warrant TPB.06.PHS.C.EU.Cash  |  |
|---|---|--|
| Name (code) of the underlying securities  | TPB   |  |
| Issuer of underlying securities           | Tien Phong Commercial Joint Stock Bank  |  |
| Warrant type                              | Call  |  |
| Execution type                            | European  |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |  |
| Duration                                  | 12 months   |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                          | 4:1 (4 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |  |

| Warrant name                             | Warrant TPB.07.PHS.C.EU.Cash           |       |    |
|--|--|-------|----|
| Name (code) of the underlying securities | ТРВ                                    |       |    |
| Issuer of underlying securities          | Tien Phong Commercial Joint Stock Bank |       | 3, |
| Warrant type                             | Call                                   | F. II |    |
| Execution type                           | European                               |       |    |
| Method of exercising                     | Cash payment                           |       |    |

| warrants                                  |   |  |
|---|---|--|
| Duration                                  | 10 months   |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                          | 5:1 (5 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announceme date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice             |  |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |  |

| Warrant name                              | Warrant TPB.08.PHS.C.EU.Cash  |  |
|---|---|--|
| Name (code) of the underlying securities  | TPB   |  |
| Issuer of underlying securities           | Tien Phong Commercial Joint Stock Bank  |  |
| Warrant type                              | Call  |  |
| Execution type                            | European  |  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |  |
| Duration                                  | 10 months   |  |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnar  |  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |  |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |  |
| Conversion ratio                          | 4:1 (4 covered warrants exchanged for 01 share)   |  |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |  |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |  |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |  |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |  |

| Warrant name                              | Warrant TPB.09.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | TPB   |
| Issuer of underlying securities           | Tien Phong Commercial Joint Stock Bank  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 11 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 11 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 5:1 (5 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant TPB.10.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | ТРВ   |
| Issuer of underlying securities           | Tien Phong Commercial Joint Stock Bank  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 11 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 11 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 4:1 (4 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |

| Expected offering price       | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice |
|-------------------------------|---|
| Total number of offers        | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant TPB.11.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | TPB   |
| Issuer of underlying securities           | Tien Phong Commercial Joint Stock Bank  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 5:1 (5 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                             | Warrant TPB.12.PHS.C.EU.Cash   |
|--|--|
| Name (code) of the underlying securities | TPB  |
| Issuer of underlying securities          | Tien Phong Commercial Joint Stock Bank   |
| Warrant type                             | Call   |
| Execution type                           | European   |
| Method of exercising warrants            | Cash payment   |
| Duration                                 | 12 months  |
| Expected offering date                   | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam |
| Expected listing date                    | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues   |
| 14                                       | the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date               | 02 working days before expiration date   |
| 7/10 DOD Marking Consider 400            | 1005 1 1 1 D 1 204 0005  |

| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
|---|---|
| Conversion ratio                          | 5:1 (5 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant TCB.04.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | ТСВ   |
| Issuer of underlying securities           | Vietnam Technological And Commercial Joint Stock Bank   |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 7:1 (7 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

### Covered warrant 185

| Warrant name                             | Warrant TCB.05.PHS.C.EU.Cash                          |
|--|---|
| Name (code) of the underlying securities | TCB   |
| Issuer of underlying securities          | Vietnam Technological And Commercial Joint Stock Bank |
| Warrant type                             | Call  |
| Execution type                           | European  |
| Method of exercising                     | Cash payment  |

PHS-BOD Meeting-Session 100\_1025 dated December 23rd, 2025

| warrants                                  |   |
|---|---|
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 7:1 (7 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant TCB.06.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | TCB   |
| Issuer of underlying securities           | Vietnam Technological And Commercial Joint Stock Bank   |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant TCB.07.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | TCB   |
| Issuer of underlying securities           | Vietnam Technological And Commercial Joint Stock Bank   |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant TCB.08.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | ТСВ   |
| Issuer of underlying securities           | Vietnam Technological And Commercial Joint Stock Bank   |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 10 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 7:1 (7 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |

| Expected offering price       | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice |
|-------------------------------|---|
| Total number of offers        | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant TCB.09.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | ТСВ   |
| Issuer of underlying securities           | Vietnam Technological And Commercial Joint Stock Bank   |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 10 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                             | Warrant TCB.10.PHS.C.EU.Cash   |
|--|--|
| Name (code) of the underlying securities | TCB  |
| Issuer of underlying securities          | Vietnam Technological And Commercial Joint Stock Bank  |
| Warrant type                             | Call   |
| Execution type                           | European   |
| Method of exercising warrants            | Cash payment   |
| Duration                                 | 11 months  |
| Expected offering date                   | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam |
| Expected listing date                    | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant                  |
| Expected last trading date               | 02 working days before expiration date   |

| Expiration date                           | 11 months from the offering date  |
|---|---|
| Conversion ratio                          | 7:1 (7 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant TCB.11.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | ТСВ   |
| Issuer of underlying securities           | Vietnam Technological And Commercial Joint Stock Bank   |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 11 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 11 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                                | Warrant TCB.12.PHS.C.EU.Cash                          |
|---|---|
| Name (code) of the<br>underlying securities | ТСВ   |
| Issuer of underlying securities             | Vietnam Technological And Commercial Joint Stock Bank |
| Warrant type                                | Call  |
| Execution type                              | European  |
| Method of exercising                        | Cash payment  |

| warrants                                  |   |
|---|---|
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 7:1 (7 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant TCB.13.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | TCB   |
| Issuer of underlying securities           | Vietnam Technological And Commercial Joint Stock Bank   |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 7:1 (7 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant SSB.03.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | SSB   |
| Issuer of underlying securities           | Southeast Asia Commercial Joint Stock Bank  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                                | Warrant SSB.04.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the<br>underlying securities | SSB   |
| Issuer of underlying securities             | Southeast Asia Commercial Joint Stock Bank  |
| Warrant type                                | Call  |
| Execution type                              | European  |
| Method of exercising warrants               | Cash payment  |
| Duration                                    | 12 months   |
| Expected offering date                      | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                       | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                  | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                             | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                            | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                     | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment   | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
|   | 1005 data d Danasahan 2011 2005   |

| Expected offering price       | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice |
|-------------------------------|---|
| Total number of offers        | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant SSB.05.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | SSB   |
| Issuer of underlying securities           | Southeast Asia Commercial Joint Stock Bank  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 5:1 (5 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                             | Warrant SSB.06.PHS.C.EU.Cash   |
|--|--|
| Name (code) of the underlying securities | SSB  |
| Issuer of underlying securities          | Southeast Asia Commercial Joint Stock Bank   |
| Warrant type                             | Call   |
| Execution type                           | European   |
| Method of exercising warrants            | Cash payment   |
| Duration                                 | 12 months  |
| Expected offering date                   | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam |
| Expected listing date                    | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues   |
| - 05                                     | the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date               | 02 working days before expiration date   |

| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
|---|---|
| Conversion ratio                          | 5:1 (5 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant SSB.07.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | SSB   |
| Issuer of underlying securities           | Southeast Asia Commercial Joint Stock Bank  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 10 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                                | Warrant SSB.08.PHS.C.EU.Cash               |
|---|--|
| Name (code) of the<br>underlying securities | SSB  |
| Issuer of underlying securities             | Southeast Asia Commercial Joint Stock Bank |
| Warrant type                                | Call                                       |
| Execution type                              | European                                   |
| Method of exercising                        | Cash payment                               |

| warrants                                  |   |
|---|---|
| Duration                                  | 10 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 10 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 5:1 (5 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant SSB.09.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | SSB   |
| Issuer of underlying securities           | Southeast Asia Commercial Joint Stock Bank  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 11 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 11 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant SSB.10.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | SSB   |
| Issuer of underlying securities           | Southeast Asia Commercial Joint Stock Bank  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 11 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 11 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 5:1 (5 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

#### Covered warrant 202

| Warrant name                              | Warrant SSB.11.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | SSB   |
| Issuer of underlying securities           | Southeast Asia Commercial Joint Stock Bank  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |

PHS-BOD Meeting-Session 100\_1025 dated December 23rd, 2025





| Expected offering price       | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice |
|-------------------------------|---|
| Total number of offers        | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

| Warrant name                              | Warrant SSB.12.PHS.C.EU.Cash  |
|---|---|
| Name (code) of the underlying securities  | SSB   |
| Issuer of underlying securities           | Southeast Asia Commercial Joint Stock Bank  |
| Warrant type                              | Call  |
| Execution type                            | European  |
| Method of exercising warrants             | Cash payment  |
| Duration                                  | 12 months   |
| Expected offering date                    | Within 07 (seven) working days after receiving the Covered Warrant Certificate from State Securities Commission of Vietnam  |
| Expected listing date                     | Within 02 (two) working days after the Stock Exchange issues the listing decision for the covered warrant   |
| Expected last trading date                | 02 working days before expiration date  |
| Expiration date                           | 12 months from the offering date  |
| Conversion ratio                          | 6:1 (6 covered warrants exchanged for 01 share)   |
| Expected exercise price                   | Within a range of +/-20% compared to the closing price of the underlying stock on the trading day preceding the announcement date, specific price will be announced in the Issuance Notice. |
| Estimated value of collateral for payment | At least 50% of covered warrant value allowed to be offered   |
| Expected offering price                   | In the price range from VND 1,000 (one thousand) per covered warrant to VND 2,000 (two thousand) per covered warrant, specific price will be announced in the Issuance Notice               |
| Total number of offers                    | 2,000,000 (Two million) covered warrants  |
| Total expected offering value             | From VND 2,000,000,000 (Two billion) to VND 4,000,000,000 (Four billion)  |

### Article 2: Organization and implementation

Board of Directors, Inspection Committee, General Director and all the employees of Phu Hung Securities Corporation are responsible for implementing this Resolution from the signing date.

#### Received:

- As above Article 2;
- Archived at Company Secretary;
- Archived at Company Secretariat.

CÔNG TY Chairman
Cổ PHẨN
CHÚNG KHOÁN
PHÚ HƯNG

Albert Kwang-Chin Ting